

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN S

TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2022

V/v “ Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn L, xã SK, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Quốc V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L, xã SK, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 06 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Quốc V tự tìm hiểu với nhau một thời gian, được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng bốn năm, nhưng sau đó không còn sự hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong nhiều lĩnh vực, không dành cho nhau sự quan tâm. Người thân và cơ quan nơi công tác đều biết đã động viên, khuyên các bên đối thoại, hàn gắn tình cảm cùng nhau xây dựng gia đình. Vì tương lai các con, chị nhẫn nhịn bỏ qua tất cả, cố gắng hòa hợp nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 10 năm 2020 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng

hơn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thực sự vợ chồng không còn thương yêu và tôn trọng nhau, thường cãi vã, xúc phạm nhau, có lúc anh V đánh chị. Cuộc sống hôn nhân không tốt đẹp, ngày một xấu đi, từ tháng 8 năm 2022 chị xin vào ở khu tập thể giáo viên trường THCS-THPT Phạm K, xã S, chị và anh V sống ly thân, phần ai nấy sống, ít liên lạc. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Quốc V.

- Về con chung: Chị và anh V có hai con chung là Đặng Đoàn Tr, sinh ngày 15/5/2014 và Đặng Phương Ch, sinh ngày 20/02/2016. Từ khi ly thân đến nay, cháu Đặng Phương Ch sống với chị tại khu tập thể giáo viên trường THCS-THPT Phạm K xã SK, còn cháu Đặng Đoàn Tr sống với anh V tại nhà riêng thuộc thôn Làng Rút, xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi hai con, nhưng chỉ yêu cầu anh Việt cấp dưỡng cho một con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về khoản nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 7 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Quốc Việt trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Quốc V xác nhận lời khai của chị B về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc, đến nay là hơn mười năm, anh luôn hết mực thương yêu vợ con, lo làm ăn.

Đến tháng 12 năm 2021, anh phát hiện chị B có nhắn tin qua lại với người bạn trai cũ, trước đây học cùng trường với chị B. Do không kìm chế, nên anh có nói những lời khó nghe và thừa nhận có lần đánh chị B, từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm, anh đã nhận ra thiếu sót và việc làm sai trái của mình. Qua xét âm lịch (khoảng tháng 1 năm 2022), sau 03 lần chị B đi dự hội thảo do Công ty mỹ phẩm Pudr-ma tổ chức tại Hà Nội, chị B về nói với anh rằng: “*mười năm nay anh không hề quan tâm đến vợ con*”, sau đó chị bảo anh ký vào đơn xin ly hôn. Anh nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng về tình cảm và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị B có hai con chung là Đặng Đoàn Tr, sinh ngày 15/5/2014 và Đặng Phương Ch, sinh ngày 20/02/2016. Nếu ly hôn, anh nhận nuôi hai con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng. Anh không đồng ý giao các con chung cho chị B trực tiếp nuôi, vì chị B có người thứ ba.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung của vợ chồng: Anh yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S với đại diện Lãnh đạo trường THCS-THPT Phạm K có nội dung:

- Chị Bùi Thị B và anh Đặng Quốc V là quan hệ vợ chồng, hiện đang công tác tại trường THCS-THPT Phạm K, từ sau tết Nguyên đán năm 2022 chị B có báo lãnh đạo nhà trường, về việc vợ chồng chị thời gian qua có bất đồng quan điểm. Đại diện nhà trường đã gặp cả hai bên động viên, khuyên anh V, chị B bỏ qua thiếu sót cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy các con nhưng chị B cho rằng vợ chồng lâu nay không hòa hợp đã chịu đựng quá nhiều, nên vẫn giữ quan điểm của mình xin ly hôn; đến ngày 22/8/2022 chị B xin Ban giám hiệu nhà trường cho hai mẹ con vào ở khu tập thể giáo viên của trường, còn anh V và con gái lớn tên Đặng Đoàn T ở nhà riêng tại thôn L, xã SK, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các nội dung trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Bùi Thị B được ly hôn anh Đặng Quốc V.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Đoàn Tr, sinh ngày 15/5/2014 cho anh Đặng Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Phương Ch, sinh ngày 20/02/2016 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên đề nghị không xem xét. Khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn L, xã SK, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B và anh Đặng Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn DL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Hai bên đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Một phần do anh Việt nghi ngờ chị B có người thứ ba, đôi lúc có lời lẽ xúc phạm nhau nên hai bên thường cãi vã, cuộc sống hôn nhân không tốt đẹp, ngày một xấu đi. Anh V muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, có lúc nóng giận không kìm chế còn đánh chị B, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Người thân và cơ quan nơi anh V, chị B công tác đã động viên, khuyên nhủ các bên bỏ qua thiếu sót cho nhau để xây dựng gia đình, nuôi dạy các con nhưng không có kết quả, chị B không đồng ý về chung sống cùng anh V, vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Qua xác minh, tại nơi anh V, chị B công tác cung cấp, vợ chồng anh V, chị B có bất đồng quan điểm trước đó, từ tháng 8 năm 2022 chị B và anh V không sống chung với nhau, hai người tự ly thân, phân ai nấy sống. Điều đó, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị B xin ly hôn anh V là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị B và anh V thống nhất có hai con chung là Đặng Đoàn Tr, sinh ngày 15/5/2014 và Đặng Phương C, sinh ngày 20/02/2016. Khi ly hôn, chị B và anh V đều xin nhận nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, anh V, chị B có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi các con, nên giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp. Do đó, giao cho anh V trực tiếp nuôi cháu Đặng Đoàn Tr, phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr xin được ở với anh V. Đối với cháu Đặng Phương C còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn, thực tế từ khi anh chị ly thân, cháu C ở với chị B. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn tâm lý do thay đổi môi trường sống và lợi ích mọi mặt của con chung nên giao cháu C cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung của vợ chồng: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã giải thích về quyền và nghĩa vụ của các đương sự, trong đó có quyền khởi kiện. Anh V là bị đơn trong vụ án, trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không khởi kiện yêu cầu phân tố theo Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các đương sự khởi kiện, Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị B và anh V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Bùi Thị B được ly hôn anh Đặng Quốc V.

2. *Về con chung:* Chị B và anh V có hai con chung là Đặng Đoàn Tr, sinh ngày 15/5/2014 và Đặng Phương C, sinh ngày 20/02/2016. Giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Đoàn Tr. Giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Phương C.

3. *Về cấp dưỡng:* Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Bùi Thị B và anh Đặng Quốc V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

4. *Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung:* Không yêu cầu nên không giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

5. *Về án phí:* Chị Bùi Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) về việc giải quyết hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001711 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Chị Bùi Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t.Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Hà;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn DL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Thơm